



GLC SILVER HD TURBO

Dầu động cơ Turbo

Giới Thiệu:

GLC Silver HD Turbo là dầu động cơ diesel turbo tải nặng, được pha chế từ dầu gốc chất lượng cao kết hợp hệ phụ gia chọn lọc, đáp ứng yêu cầu bôi trơn và bảo vệ động cơ trong nhiều điều kiện vận hành.

Sản phẩm có khả năng kiểm soát cặn bẩn, chống oxy hóa, ổn định nhiệt, chống mài mòn và chống ăn mòn, góp phần duy trì hiệu suất và độ bền của động cơ trong suốt quá trình sử dụng.

ĐẶC TÍNH

- **Duy trì độ nhớt và khả năng bảo vệ động cơ**

Khả năng duy trì độ nhớt phù hợp giúp hình thành màng dầu bôi trơn ổn định, hỗ trợ bảo vệ các chi tiết động cơ trong quá trình vận hành liên tục.

- **Kiểm soát cặn bẩn**

Hệ phụ gia giúp kiểm soát sự hình thành cặn bẩn, góp phần duy trì độ sạch của động cơ và hiệu suất vận hành ổn định.

- **Khả năng chống oxy hóa và ổn định nhiệt**

Khả năng chống oxy hóa và ổn định nhiệt tốt giúp hạn chế sự suy giảm chất lượng dầu trong điều kiện vận hành ở nhiệt độ cao.

- **Bảo vệ chống mài mòn và ăn mòn**

Hỗ trợ bảo vệ các bề mặt kim loại và chi tiết động cơ khỏi mài mòn và ăn mòn, góp phần kéo dài tuổi thọ động cơ.

TIÊU CHUẨN HIỆU NĂNG

- API CF-4/SG
- ACEA E2
- MB Approval 228.1
- CMC D4/PD2/G4
- Mack EO-K/2
- MAN 271

ỨNG DỤNG

GLC Silver HD Turbo được khuyến nghị sử dụng cho:

- Động cơ diesel sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, hoạt động trong các điều kiện tải từ cao đến trung bình.
- Các phương tiện vận tải như tàu đánh bắt hải sản, đánh bắt xa bờ.
- Xe công trình, xe cơ giới và máy nông nghiệp hoạt động trên mọi địa hình.
- Các ứng dụng yêu cầu tiêu chuẩn khí thải từ Euro III, Euro II, Euro I trở xuống. Đối với các ứng dụng yêu cầu cấp hiệu năng cao hơn, khuyến nghị sử dụng GLC Gold XS Turbo – API CI-4/SL hoặc GLC Gold Turbo Pro – API CK-4/SM.

SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG

- Ở điều kiện bình thường dầu không chứa các chất độc hại nguy hiểm.
- Hạn chế tiếp xúc với da trong thời gian dài đối với dầu đã qua sử dụng.
- Dầu thải phải qua xử lý đúng nơi quy định. Không thải trực tiếp ra môi trường.



GLC SILVER HD TURBO

Dầu động cơ Turbo

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tên Chỉ Tiêu	Phương Pháp Thử	SAE 15W40 CF4	SAE 20W50 CF4
Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	14,0 – 15,9	18 – 21,5
Chỉ số độ nhớt, Min	ASTM D2270	130	135
Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, °C Min	ASTM D92	230	235
Trị số kiềm tổng TBN, mg KOH/g Min	ASTM D2896	10	10
Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Zn) %wt, Min	ASTM D4628	0,35	0,35
Ăn mòn tấm đồng (3 giờ ở 100°C)	ASTM D130	1a	1a
Hàm lượng cặn không tan trong pentane, %wt, Max	ASTM D4055	0,1	0,1
Nhiệt độ rót chảy, °C, Max	ASTM D97	-18	-18
Độ tạo bọt giai đoạn II ở 93,5°C, ml, Max	ASTM D892	50/0	50/0
Hàm lượng nước, % thể tích, Max	ASTM D95	0,05	0,05
Khối lượng riêng ở 15°C, kg/l	ASTM D1298	0,81 – 0,89	0,81 – 0,89

Thông số kỹ thuật trên mang tính chất trung bình, có thể điều chỉnh để phù hợp với quy chuẩn của GLC.
Nên tham khảo ý kiến tư vấn từ đại diện của GLC.